

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 95/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 18 tháng 12 năm 2019
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Chuyên

Các Hội thẩm nhân dân: 1, Ông Nguyễn Văn Môn

2, Bà Phạm Thị Thu

- Thư ký phiên tòa: Bà Tống Lan Hương- Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Hán- Kiểm sát viên.

Trong ngày 18/12/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 415/2019/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 108/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn : Chị Nguyễn Thị Lệ M, sinh năm 1990.

Cư trú: Tổ 5, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

- Bị đơn : Anh Nguyễn Hồng S, sinh năm 1986

Cư trú: Tổ 5, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

Hiện đang cải tạo tại Trại giam Quảng Ninh- Xã H, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh.

(Các đương sự đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 02/10/2019, những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Lệ M trình bày:

Chị và anh Nguyễn Hồng S kết hôn với nhau ngày 11/3/2013, đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố B. Hôn nhân tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống với nhau. Chị và anh S chung sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan

điểm, thỉnh thoảng có xảy ra xô xát, anh S không có trách nhiệm gì với gia đình. Vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu được ly hôn anh S.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Minh T, sinh ngày 05/9/2013 và Nguyễn Sơn T, sinh ngày 18/11/2014. Cả hai con đều ở với chị từ khi vợ chồng ly thân cho đến nay. Vợ chồng ly hôn, chị yêu cầu được nuôi dưỡng cả hai con chung, không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con. Hơn nữa anh S hiện tại đang đi thụ án nên không thể trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Hiện nay chị đang bán hàng ăn, thu nhập khoảng 10.000.000 đồng/tháng. Chị có thu nhập và chỗ ở ổn định.

Về tài sản chung và công nợ chung: Vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do điều kiện công việc nên chị không thể đến Tòa án làm việc được, chị đề nghị Tòa án xem xét giải quyết vụ án vắng mặt chị.

* Bị đơn là anh Nguyễn Hồng S trình bày: Anh kết hôn với chị Nguyễn Thị Lệ M, sinh năm 1990, trú tại tổ dân phố số 5, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang năm 2013, có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố B. Quá trình chung sống, vợ chồng có mâu thuẫn nhỏ cùng với việc anh phải đi chấp hành án nên việc chị M yêu cầu ly hôn thì anh đồng ý.

Về con chung: Anh và chị M có hai con chung là Nguyễn Minh T và Nguyễn Sơn T. Vợ chồng ly hôn, anh đồng ý để chị M trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng hai con chung.

Về tài sản chung: Anh và chị M không có tài sản chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết. Anh yêu cầu Tòa án giải quyết, xét xử vụ án vắng mặt anh.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án.

- Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Chị Nguyễn Thị Lệ M được ly hôn anh Nguyễn Hồng S.

2. Về con chung: Giao hai con chung là Nguyễn Minh T, sinh ngày 05/9/2013 và Nguyễn Sơn T, sinh ngày 18/11/2014 cho chị Nguyễn Thị Lệ M nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con chung có quyền thăm nom con. Không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Lê M phải chịu 300.000 đồng án phí DSST. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0000658 ngày 08/10/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]- Về việc vắng mặt đương sự tại phiên tòa: Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Lê M và bị đơn là anh Nguyễn Hồng S đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ và theo quy định tại các Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục vắng mặt đối với các đương sự.

[2]- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Lê M và anh Nguyễn Hồng S kết hôn ngày 11/3/2013, có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Hôn nhân tự nguyện, không vi phạm các điều kiện cấm kết hôn, là hôn nhân hợp pháp (Theo Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình). Theo lời trình bày của các đương sự và các tài liệu có trong hồ sơ thì xác định được trong quá trình chung sống, vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. Hiện nay vợ chồng đã ly thân, không còn chung sống với nhau. Xét thấy tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần xử cho chị M được ly hôn anh S (Theo Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình).

[3]- Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Minh T, sinh ngày 05/9/2013 và Nguyễn Sơn T, sinh ngày 18/11/2014. Hiện chung đang ở cùng chị M. Vợ chồng ly hôn, chị M yêu cầu được nuôi dưỡng cả hai con chung. Anh S đồng ý để chị M nuôi dưỡng cả hai con chung. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu được nuôi dưỡng con chung của chị M, giao hai con chung là Nguyễn Minh T và Nguyễn Sơn T cho chị M nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn, anh S không trực tiếp nuôi con chung có quyền thăm nom con, không ai được cản trở anh S thực hiện quyền này. (Theo quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình).

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị M không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[4]- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự xác định không có và không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5]- Về án phí: Chị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Chị Nguyễn Thị Lệ M được ly hôn anh Nguyễn Hồng S.

2. Về con chung: Giao hai con chung là Nguyễn Minh T, sinh ngày 05/9/2013 và Nguyễn Sơn T, sinh ngày 18/11/2014 cho chị Nguyễn Thị Lệ M nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con chung có quyền thăm nom con. Không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Lệ M phải chịu 300.000 đồng án phí DSST. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0000658 ngày 08/10/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND TP B;
 - CCTHA-DS TP B;
 - TAND tỉnh Bắc Giang;
 - Các đương sự;
 - UBND phường T,
- Tp B, tỉnh Bắc Giang;
- Lưu Hồ sơ, Văn phòng.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Chuyên